TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19-4-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Anh Tấn

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thủy T, sinh năm 1988; Địa chỉ: khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2. Bị đơn: Lê Hoàng Th, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 26/4/2021, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thủy T trình bày:

- Về hôn nhân: bà và ông Lê Hoàng Th kết hôn năm 2006, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 03/6/2006 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do giữa bà và ông Th bất đồng quan điểm sống, ông Th và bà thường xuyên cự cãi, bất đồng, cuộc sống hôn nhân của ông bà không hạnh phúc. Hiện nay bà không còn tình cảm với ông Th nên

yêu cầu được ly hôn với ông Th.

- Về con chung: có hai con chung tên Lê Tuyết A, sinh ngày 28/9/2006 và Lê Tuyết V, sinh ngày 02/5/2014. Sau khi ly hôn con có nguyện vọng được sống với ai thì người đó nuôi, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản chung: không có

- Về nợ chung: không có

* Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Lê Hoàng Th nhưng ông đều vắng mặt không có lý do, đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại bản tự khai ngày 06/4/2022 cháu Lê Tuyết A trình bày nguyện vọng được sống với cha sau khi cha mẹ ly hôn.

* Tại bản tự khai cháu Lê Tuyết V trình bày nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

* Tại phiên tòa:

- Bà Lê Thủy T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn ông Lê Hoàng Th, yêu cầu nuôi con chung tên Lê Tuyết V, sinh ngày 02/5/2014, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung. Bà đồng ý để ông Lê Hoàng Th tiếp tục nuôi con chung tên Lê Tuyết A, sinh ngày 28/9/2006, bà không cấp dưỡng.

- Ông Lê Hoàng Th vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân bà Lê Thủy T được quyền ly ông Lê Hoàng Th, về con chung bà T được quyền nuôi con chung tên Lê Tuyết V, sinh ngày 02/5/2014, ông Lê Hoàng Th được quyền nuôi con chung tên Lê Tuyết A, sinh ngày 28/9/2006, bà T và ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa bà Lê Thủy T và ông Lê Hoàng Th là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2 Thẩm quyền giải quyết: Tại biên bản xác minh hộ khẩu ngày 23/02/2022 của Công an xã A, huyện C, tỉnh An Giang xác định ông Lê Hoàng Th đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn ông Lê Hoàng Th đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: bà Lê Thủy T và ông Lê Hoàng Th kết hôn năm 2006, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 03/6/2006 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà T và ông Th được đoàn tụ, nhưng bà T cương quyết ly hôn, ông Th đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, điều này chứng tỏ ông Th cũng không có nguyện vọng được đoàn tụ với bà T. Như vậy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

2.2 Về con chung: bà Lê Thủy T và ông Lê Hoàng Th có hai con chung tên Lê Tuyết A, sinh ngày 28/9/2006 và Lê Tuyết V, sinh ngày 02/5/2014. Cháu V hiện đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng còn cháu Tuyết A đang do ông Th trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa bà T yêu cầu được nuôi Cháu V, đồng ý để ông Th được quyền nuôi cháu Tuyết A, bà và ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong văn bản gửi cho Tòa án cháu Tuyết A có nguyện vọng được sống với cha còn cháu Tuyết V có nguyện vọng được sống với mẹ. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay hai cháu Tuyết A và Tuyết V còn nhỏ, để tránh làm xáo trộn đời sống, ảnh hưởng đến việc học của các cháu nên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, bà T được quyền nuôi cháu Tuyết V, ông Th được quyền nuôi cháu Tuyết A.

2.*3 Về cấp dưỡng nuôi con chung*: bà Lê Thủy T và ông Lê Hoàng Th đều không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng.

2.4 Về tài sản chung: không có

2.5 Về nợ chung: không có.

[3] Về án phí sơ thẩm: bà Lê Thủy T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật

tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thủy T.

1. Về hôn nhân: bà Lê Thủy T được ly hôn ông Lê Hoàng Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 03/6/2006 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Lê Thủy T được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Lê Tuyết V, sinh ngày 02/5/2014.

Ông Lê Hoàng Th được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Lê Tuyết A, sinh ngày 28/9/2006.

Bà Lê Thủy T và ông Lê Hoàng Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: bà Lê Thủy T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002704 ngày 02/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo: bà Lê Thủy T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/4/2022), ông Lê Hoàng Th được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Hữu Phúc